TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÔNG LÔ** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc
Số: 36/2020/QĐST-HNGĐ	*Sông Lô, ngày 20 tháng 5 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 49/2020/TLST-HNGĐ ngày 21/4/2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1991.

Nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

HKTT: Thôn Q xã Đ, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị đơn: Anh Khổng Thế H, sinh năm 1991.

Nơi cư trú: Thôn Q, xã Đ, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 quy định về Phí và lệ phí;

Căn cứ vào nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 5 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Lvà anh Khổng Thế H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Hai vợ chồng đều xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Khổng Ngọc N, sinh ngày 20/9/2013, hiện nay con đang ở cùng chị L. Ly hôn chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và anh H cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 6/2020 cho đến khi cháu N thành niên (đủ 18 tuổi).

Vì quyền lợi của con chung, sau khi ly hôn, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức đóng góp nuôi con. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định, không ai được cản trở.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị L và anh H đều không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị L tự nguyện nộp 150.000đ (bằng chữ: một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (bằng chữ: ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0001730 ngày 21/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Lô. Trả lại chị L 150.000đ (bằng chữ: một trăm năm mươi nghìn đồng). Anh Khổng Thế H phải chịu 150.000 đồng (bằng chữ: một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Sông Lô;
- Chi cục THADS huyện Sông Lô;
- Đương sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Trần Quốc Hồng